UBND HUYỆN GIA LÂM
TRƯỜNG MẦM NON DƯƠNG HÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54 /QĐ-MNDH

Dương Hà , ngày 31 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên, LĐHĐ
Năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON DƯƠNG HÀ

Căn cứ Quyết định số 775 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2008 của UBND huyện Gia Lâm về việc chuyển trường Mầm non bán công Dương Hà sang trường Mầm non Dương Hà;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Liên Bộ Giáo dục&ĐT- Bộ Nội vụ Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;;

Căn cứ yêu cầu công tác; số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên hiện có của trường;

Căn cứ ý kiến thống nhất của tập thể lãnh đạo nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân công nhiệm vụ công tác năm học 2022-2023 các thành viên thuộc trường mầm non Dương Hà quản lý và sử dụng *(Biểu phân công nhiệm vụ chi tiết kèm theo và được điều chỉnh, bổ sung khi nhân sự nhà trường có sự thay đổi).*

Điều 2. Các ông, bà cán bộ, giáo viên, nhân viên được phân công có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ và được hưởng các chế độ được qui định tại Điều lệ trường, các qui định hiện hành của cấp có thẩm quyền và của Hiệu trưởng nhà trường khi yêu cầu.

Điều 3. Các ông, bà có tên trong danh sách tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Hiệu trưởng (để quản lý);
- Kế toán (để theo dõi và thực hiện chế độ);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON DƯƠNG HÀ

Nguyễn Thị Ngát

Scanned with CamScanner

UBND HUYỆN GIA LÂM
TRƯỜNG MẦM NON DƯƠNG HÀ

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN, LĐHĐ
NĂM HỌC 2022-2023

(Kèm theo Quyết định số : 54 /QĐ-MNDH ngày 31 /8/2022 của Hiệu trưởng trường MN Dương Hà)

NỘI DUNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ																		
STT	STT nhóm	Tên vị trí việc làm / Họ và tên	Biên chế được giao năm học 2021-2022	Đối tượng				Ngày tháng năm sinh	Hạng CDNN (ghi theo hạng thực tế của GV)	Trình độ							Nội dung phân công (*phụ trách lớp nào kể cả các việc kiêm nhiệm*)	Ghi chú
				Biên chế	HĐ định mức + theo NĐ 68	HĐ huyện	HĐ trường			Chuyên môn		Trình độ LLCT	Chứng chỉ (nếu có ghi số trình độ, hạng)					
										Trình độ	Chuyên ngành		Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ (ghi rõ NN gì)		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
	I	**Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành**																
	1	Hiệu trưởng	1															
1		Nguyễn Thị Ngát		1				10/01/1982	III	Ths ĐH	QLGD SPMN	TC		III	B	Anh A2	BT chi bộ, PT chung	
	2	Phó Hiệu trưởng	2															
1		Nguyễn Thị Thanh Thảo		1				14/5/1986	III	ĐH	SPMN	TC		III	TC	Anh A2	Phụ trách chăm sóc nuôi dưỡng, cơ sở vật chất, phổ cập giáo dục	
2		Nguyễn Thị Thoa		1				24/3/1980	III	ĐH	SPMN	TC		III	B	Anh A2	Phụ trách chăm sóc giáo dục, phong trào thi đua, quản lý trang web, tuyên truyền trên mạng	
	II	**Nhóm hoạt động nghề nghiệp**																
	1	Giáo viên	*29*															
1		Nguyễn Thị Thanh Ngân		1				08/11/1980	III	ĐH	*SPMN*			III	CB	Anh A2	Tổ trưởng tổ dạy, GV lớp MGL A2	Phụ trách khối Lớn

Scanned with CamScanner

STT	STT nhóm	Tên vị trí việc làm / Họ và tên	Biên chế được giao năm học 2021-2022	Đối tượng				Ngày tháng năm sinh	Hạng CDNN (ghi theo hạng thực tế của GV)	Trình độ							Nội dung phân công (*phụ trách lớp nào kể cả các việc kiêm nhiệm*)	Ghi chú
				Biên chế	HĐ định mức + theo NĐ 68	HĐ huyện	HĐ trường			Chuyên môn		Trình độ LLCT	Chứng chỉ (nếu có ghi số trình độ, hạng)					
										Trình độ	Chuyên ngành		Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ (ghi rõ NN gì)		
2		Đào Minh Thu		1				22/5/1987	III	CĐ	*SPMN*			III	B	Anh B	Giáo viên MGL A1	
3		Đỗ Thị Thành		1				11/6/1980	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh B	Giáo viên MGL A1	
4		Nguyễn Thị Dân		1				16/4/1992	III	CĐ	*SPMN*			III	B	Anh B	Giáo viên MGN B2	
5		Lê THị Hằng		1				10/5/1984	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh A2	Giáo viên MGL A3	
6		Hồ Thị Hồng		1				07/12/1993	III	ĐH	*SPMN*			III	CB	Anh A2	Giáo viên MGN B2	nghỉ thai sản đến T12/2022
7		Nguyễn Thị Hoa		1				30/8/1984	III	CĐ	*SPMN*			III	B	Anh B	Giáo viên MGN B3	
8		Lê Thị Thúy Huyền		1				02/10/1970	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh B	Giáo viên MGL A3	
9		Vũ Thị Loan		1				03/11/1982	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh A2	Tổ phó tổ dạy, Giáo viên MGN B1	Phụ trách khối Nhỡ, nhà trẻ
10		Đỗ Thị Bích Liên		1				08/10/1980	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh A2	Giáo viên MGN B1	
11		Nguyễn Thị Phương Liên		1				28/11/1982	III	ĐH	*SPMN*	*TC*		III	B	Anh B	Giáo viên MGN B2	
12		Lâm Thị Ca		1				31/3/1986	IV	TC	*SPMN*				B	Anh B	Giáo viên MGB C4	
13		Nguyễn Thị Oanh		1				20/4/1986	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh A2	Giáo viên MGB C3	
14		Phạm Thị Thùy		1				10/6/1991	IV	TC	*SPMN*				CB	Anh A2	Giáo viên Nhà trẻ D2	
15		Lê Thị Anh Thu		1				09/10/1981	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh A2	Giáo viên MGL A4	Trưởng khu Hạ

Scanned with CamScanner

Scanned with CamScanner

STT	STT nhóm	Tên vị trí việc làm / Họ và tên	Biên chế được giao năm học 2021-2022	Đối tượng				Ngày tháng năm sinh	Hạng CDNN (ghi theo hạng thực tế của GV)	Trình độ							Nội dung phân công (*phụ trách lớp nào kể cả các việc kiêm nhiệm*)	Ghi chú
				Biên chế	HĐ định mức + theo NĐ 68	HĐ huyện	HĐ trường			Chuyên môn		Trình độ LLCT	Chứng chỉ (nếu có ghi số trình độ, hạng)					
										Trình độ	Chuyên ngành		Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ (ghi rõ NN gì)		
16		Nguyễn Thị Phương		1				27/02/1996	IV	TC	*SPMN*				B	Anh B	Giáo viên MGN B3	
17		Nguyễn Thị Mai Phương		1				26/6/1982	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh A2	Tổ phó tổ dạy, Giáo viên MGB C1	Phụ trách khối Bé
18		Nguyễn Thị Hân		1				21/01/1990	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh B	Giáo viên MGN B2	
19		Nguyễn Thị Thu Hà		1				24/3/1986	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh B	Giáo viên MGB C3	
20		Trần Thị Kim Ngân		1				22/12/1990	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh B	Giáo viên MGB C2	
21		Nguyễn Thị Thu Hiền		1				10/10/1982	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh A2	Giáo viên MGB C2	
22		Nguyễn Thị Hồng Điểm		1				01/01/1986	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh A2	Giáo viên MGB C4	
23		Thạch Thị Thu Thủy		1				10/10/1984	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh A2	Giáo viên MGL A2	
24		Nguyễn Thị Lan		1				20/4/1983	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh B	Giáo viên Nhà trẻ D1	
25		Nguyễn Thị Thu Trang		1				05/7/1986	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh A2	Giáo viên MGB C1	
26		Đỗ Thị Yến		1				08/5/1994	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh B	Giáo viên MGN B1	
27		Phạm Thị Thanh		1				28/6/1989	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh B	Giáo viên Nhà trẻ D2	
28		Lê Bích Hà		1				31/5/1974	III	ĐH	*SPMN*			III	B	Anh B	Giáo viên Nhà trẻ D1	
	III	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**																
	1	Kế toán	1															
		Nguyễn Thị Khuyên		1						ĐH	KTDN						Kế toán	

STT	STT nhóm	Tên vị trí việc làm / Họ và tên	Biên chế được giao năm học 2021-2022	Đối tượng				Ngày tháng năm sinh	Hạng CDNN (ghi theo hạng thực tế của GV)	Trình độ							Nội dung phân công (*phụ trách lớp nào kể cả các việc kiêm nhiệm*)	Ghi chú
				Biên chế	HĐ định mức + theo ND 68	HĐ huyện	HĐ trường			Chuyên môn		Trình độ LLCT	Chứng chỉ (nếu có ghi số trình độ, hạng)					
										Trình độ	Chuyên ngành		Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp	Tin học	Ngoại ngữ (ghi rõ NN gì)		
	2	Văn thư	1															
		Nguyễn Thị An		1				07/9/1984		TC	HCVP				CB	Anh C	Tổ trưởng tổ văn phòng, văn thư-lưu trữ, Thủ quỹ	
	3	Y tế	1															
	IV	**Nhóm hỗ trợ, phục vụ**																
	1	Nhân viên nấu ăn	8															
1		Đỗ Thị Thu Huyền			1			09/4/1979		CĐ	KTNĂ						Tổ trưởng tổ nuôi, cô nuôi	
2		Đào Thị An			1			01/01/1983		CĐ	KTNĂ						Cô nuôi	
3		Thạch Thị Hồng Ngân			1			29/4/1980		CĐ	KTNĂ						Cô nuôi	
4		Vũ Thị Hồng Vân			1			07/11/1980		CĐ	KTNĂ						Cô nuôi	
5		Nguyễn Thị Mai			1			16/02/1976		CĐ	KTNĂ						Cô nuôi	
6		Phạm Hông Tình			1			20/10/1974		CĐ	KTNĂ						Cô nuôi	
7		Nguyễn Thị Hiền			1			11/02/1986		CĐ	KTNĂ						Cô nuôi	
	2	Bảo vệ	3															
1		Nguyễn Văn Thủy			1			13/11/1974									Bảo vệ khu trung tâm	Tổ trưởng tổ bảo vệ
2		Nguyễn Văn Tiến			1			28/6/1983									Bảo vệ khu trung tâm	
3		Phùng Quang Tuyến			1			05/11/1974									Bảo vệ khu Hạ	
		Tổng số	**46**	**33**	**10**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**

Scanned with CamScanner